

Bản tin chứng khoán

Trong số này

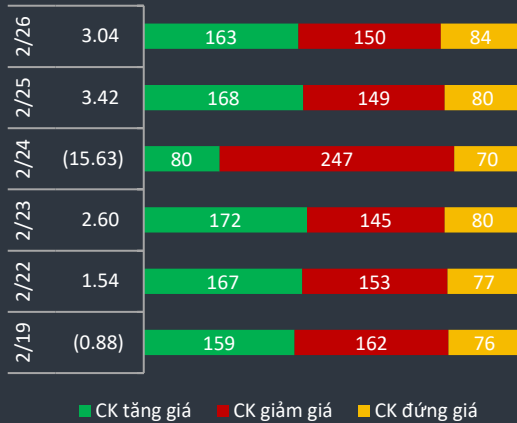
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

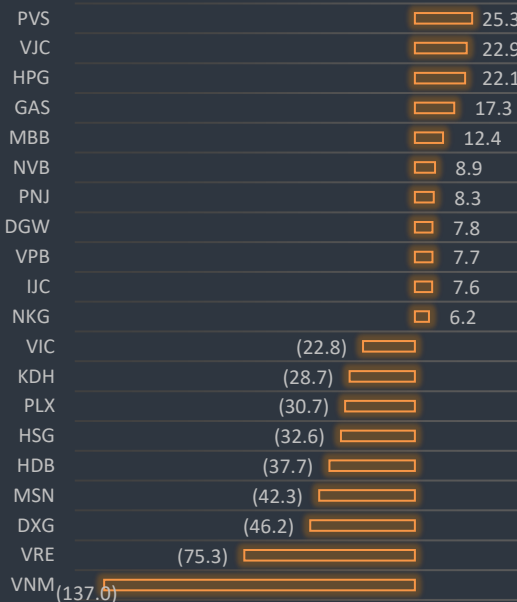
Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Chỉ số index có phần chao đảo nhẹ đầu phiên sau biến động mạnh trên thị trường quốc tế đêm hôm trước tuy nhiên lực cầu vẫn khá mạnh đã giúp thị trường lội ngược dòng thành công. Vnindex vẫn kịp giữ mức xanh nhẹ thêm 3 điểm sau khi kết thúc phiên ATC. Thanh khoản chung đạt ở mức khá với gần 13,500 tỷ giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE. HPG đã trở lại đứng nhóm cổ phiếu giao dịch nhiều nhất sàn bên cạnh MBB, TCB, SSI và HSG.

Dù tổng diện chung thị trường giao dịch đi ngang và phân hóa mạnh nhưng vẫn sôi động và tạo hưng phấn cho nhà đầu tư nhờ biến động của các nhóm ngành tăng trưởng. Hai nhóm ngành thép và dệt may tạo sóng mạnh nhất với hàng loạt cổ phiếu tăng mạnh trong ngày. HPG, HSG, POM, CGS, NKG đều tăng trên 5% và nhiều cổ phiếu tăng trần dư mua. Theo Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), sản xuất thép thành phẩm các loại trong tháng 1 đạt hơn 2,65 triệu tấn, tăng 60% so với cùng kỳ năm trước. Bán hàng thép thành phẩm các loại là hơn 2,11 triệu tấn, tăng 55%. Trong đó, xuất khẩu đạt gần 458.000 tấn, tăng 61%. Tất cả nhóm mặt hàng đều ghi nhận tăng trưởng tiêu thụ trong tháng 1/2021, thấp nhất là thép xây dựng với 10,6%, cao nhất là thép cuộn cán nóng (HRC) với 148,2%. Mới đây Tập đoàn Hòa Phát mới đây công bố chiến lược mở rộng sang mảng sản xuất vỏ container để tận dụng giai đoạn cước vận tải biển tăng cao vì thiếu hụt container. Dự kiến mỗi năm, Hòa Phát sẽ sử dụng khoảng 1 triệu tấn HRC chất lượng cao để cho ra 500.000 TEU.

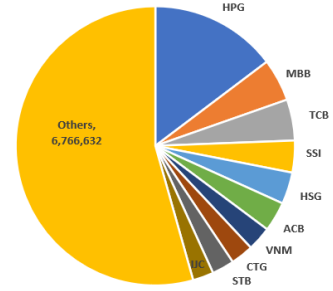
Ở nhóm dệt may nổi bật ở các cổ phiếu TNG, GMC, TCM, GIL, MSH. Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, Việt Nam là nước duy nhất trong top 5 nước xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới không bị cách ly và không bị dừng sản xuất. 2020 là năm đầu tiên sau 25 năm xuất khẩu dệt may Việt Nam tăng trưởng âm 10,5%, tức là chỉ đạt 35 tỷ USD, giảm so với con số 39 tỷ USD năm 2019. Tuy nhiên, đây là mức suy giảm thấp nhất trong bối cảnh tổng cầu dệt may thế giới giảm trên 52% (từ 740 tỷ USD về 600 tỷ USD). Năm 2021 dệt may VN kỳ vọng đạt năng suất cao trở lại và đạt mức xuất khẩu trở lại 39 tỷ USD.

Vnindex 1,168.47

▲ +3.04 (+0.26%)



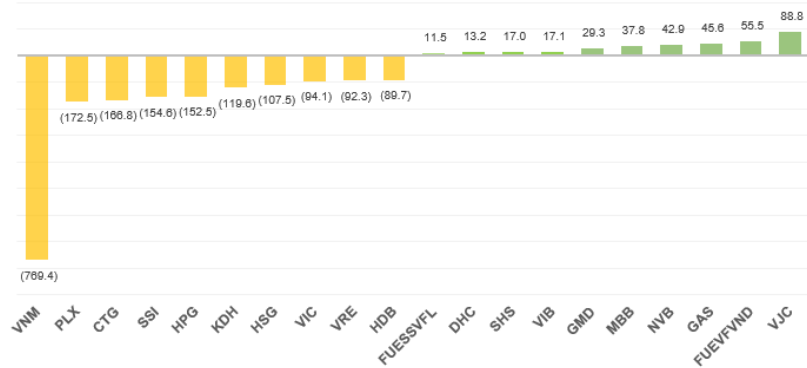
Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
HPG	45.6	1,450	3.28
HVN	30.0	950	3.28
VIB	39.7	1,250	3.25
ACB	33.1	650	2.01
BID	43.6	650	1.51
PDR	63.0	800	1.29
MBB	27.7	350	1.28
PNJ	84.9	900	1.07
VPB	40.0	400	1.01
MSN	90.3	700	0.78
TPB	27.6	200	0.73
REE	56.7	300	0.53
TCB	39.3	150	0.38
SAB	188.0	500	0.27
VNM	104.8	200	0.19
GAS	89.3	100	0.11
VIC	109.0	100	0.09
VJC	135.1	100	0.07
FPT	76.2	-	-
VCB	98.2	-	-
CTG	37.3	(50)	(0.13)
GVR	28.9	(50)	(0.17)
PLX	58.2	(200)	(0.34)
DHG	100.5	(500)	(0.50)
NVL	79.6	(400)	(0.50)
MWG	135.0	(700)	(0.52)
SSI	33.2	(250)	(0.75)
POW	12.6	(100)	(0.79)
STB	18.4	(150)	(0.81)
BVH	59.1	(500)	(0.84)
VHM	101.6	(1,200)	(1.17)
HDB	25.2	(350)	(1.37)
VRE	33.2	(550)	(1.63)

Khối ngoại trong tuần có đến 5 phiên bán ròng liên tục với tổng giá trị gần 3,000 tỷ đồng. Trong đó riêng VNM đã bán ròng trong tuần hơn 700 tỷ đồng cùng với PLX, CTG, SSI, HPG, KDH và HSG.



So với tuần trước chỉ số Vnindex gần như đi ngang hay thậm chí giảm nhẹ vài điểm. Thanh khoản có phần giảm nhẹ so với giai đoạn cao điểm đầu năm nhưng mỗi phiên vẫn đạt ở mức cao. Tình hình nghẽn lệnh tại HOSE vẫn chưa được khắc phục một phần do mức độ giao dịch vẫn ở mức cao hơn rất nhiều so với cùng kỳ năm trước. Thị trường sẽ tiếp tục phân hóa theo từng nhóm ngành và cổ phiếu vì vậy chỉ số Vnindex có thể tiếp tục biến động trong biên độ hẹp quanh vùng 1160-1180. Nhà đầu tư quan tâm nắm giữ nhóm cổ phiếu đang có sóng tăng hiện tại là thép, dệt may, bán lẻ, ngân hàng và dầu khí. Nhóm cổ phiếu ưu tiên nắm giữ: **HPG, NKG, TCM, GIL, TNG, DGW, DBC, MBB, ACB, TCB, OCB, GVR, PVS, GAS.**

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
GVR	28.9	2.70	20	32	Mua quanh 22-24. Mục tiêu 32	2/3/2021	15.6%
MBB	27.7	3.00	20	27	Mua quanh 21-22. Mục tiêu 27	2/3/2021	14.0%
VPB	40.0	(1.50)	30	40	Mua quanh 30-32. Mục tiêu 40	2/3/2021	12.7%
FPT	76.2	(0.50)	55	75	Mua quanh 62-65. Mục tiêu 75	2/3/2021	8.9%
HSG	26.5	5.40	18	28	Mua quanh 20-22. Mục tiêu 28	2/3/2021	10.9%
CTG	37.3	1.00	30	40	Mua quanh 32-34. Mục tiêu 40	2/3/2021	6.9%
MWG	135.0	(1.90)	120	150	Mua quanh 115-120. Mục tiêu 150	2/3/2021	5.9%
HPG	45.6	4.90	38	50	Mua quanh 38-40. Mục tiêu 50	2/3/2021	8.6%
STB	18.4	(1.90)	15	22	Mua quanh 16-17. Mục tiêu 22	2/3/2021	2.2%
PNJ	84.9	(2.30)	75	90	Mua quanh 75-80. Mục tiêu 90	2/3/2021	2.4%
VCB	98.2	(3.10)	90	110	Mua quanh 90-95	2/3/2021	-0.7%
OCB	20.9	1.00	18	30	Mua quanh 20. Mục tiêu 28	2/3/2021	-2.3%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

BTP	6.69
CRC	6.83
SAV	6.84
TCD	6.84
MHC	6.85
BCG	6.86
PC1	6.90
HAH	6.90
GMC	6.93
HSL	6.93
NVT	6.94
TLH	6.95
C47	6.96
RDP	6.96
NKG	6.97
RIC	6.97
IJC	6.98
POM	6.99
RAL	7.00
LMH	10.53
HTT	11.11
DIC	14.29

Top tăng giá HNX

NRC	7.24
EID	7.50
PGS	7.73
VC7	8.33
SCL	8.49
SPI	8.70
SSM	8.77
MST	8.97
KDM	9.09
CAG	9.20
KKC	9.24
PV2	9.38
VE1	9.52
VGS	9.58
TNG	9.68
S99	9.76
ALV	10.53
KHB	12.50
HVA	14.29
CTA	14.29
NDF	16.67
SPP	20.00

PGS - CTCP Kinh doanh khí miền Nam - Đã thông qua các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021 với doanh thu tăng nhẹ so với thực hiện năm 2020 và ở mức 5.129 tỷ đồng. Chi phí được doanh nghiệp này dự báo tăng 4,85% lên 856,4 tỷ đồng. Công ty dự kiến lợi nhuận trước thuế đạt hơn 78 tỷ đồng, tăng 7,7% so với 2020.

VPI - CTCP Văn Phú – Invest - Ngày 24/2, HĐQT đã thông qua việc chuyển nhượng 360.000 cổ phần, tương ứng 60% sở hữu tại CTCP LiLas.

TMP - CTCP Thủy điện Thác Mơ - Ngày 09/3 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 10/3. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 18/3/2021.

PDN - CTCP Cảng Đồng Nai - Ngày 17/3 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 18/3. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 30/3/2021.

BDB - CTCP Sách và Thiết bị Bình Định - Ngày 25/2 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 26/2. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 7,5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 15/4/2021.

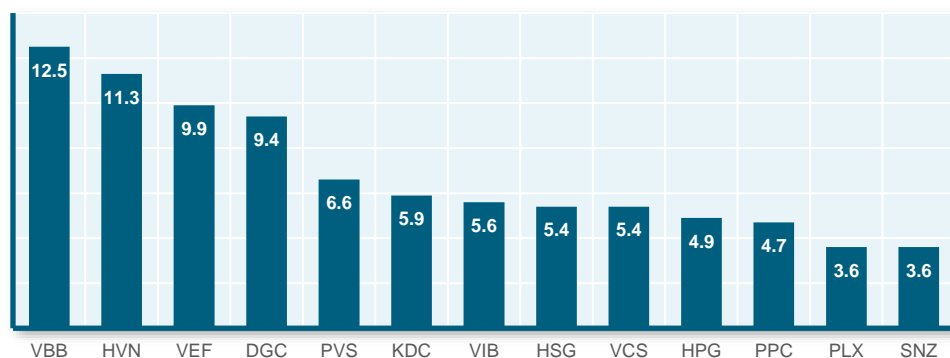
PJC - CTCP Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội - Ngày 18/3 tới, PJC sẽ chốt quyền trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%, tương ứng 1 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 17/3 và thời gian thanh toán cổ tức dự kiến từ ngày 30/3/2020.

PAC - CTCP Pin Ấc quy miền Nam - Nhằm tạo sự gắn kết giữa người lao động và Công ty, Công đoàn đã đăng ký mua 200.000 cổ phiếu PAC. Giao dịch sẽ được thực hiện theo phương thức khớp lệnh trên sàn hoặc thỏa thuận, thời gian dự kiến từ ngày 2/3 đến ngày 31/3/2021. Nếu giao dịch thành công, công đoàn Công ty sẽ nâng sở hữu từ 2,32 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 4,98% lên 2,52 triệu cổ phiếu PAC, tỷ lệ 5,41%.

IDV - Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc - TTCP đã đồng ý chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Sông Lô II tại Vĩnh Phúc. Theo đó, dự án với quy mô hơn 165 ha sẽ do IDV làm nhà đầu tư. Tổng vốn đầu tư của dự án là 1.520 tỷ đồng, trong đó vốn góp của nhà đầu tư là 245 tỷ đồng và vốn vay ngân hàng là 1.275 tỷ đồng.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

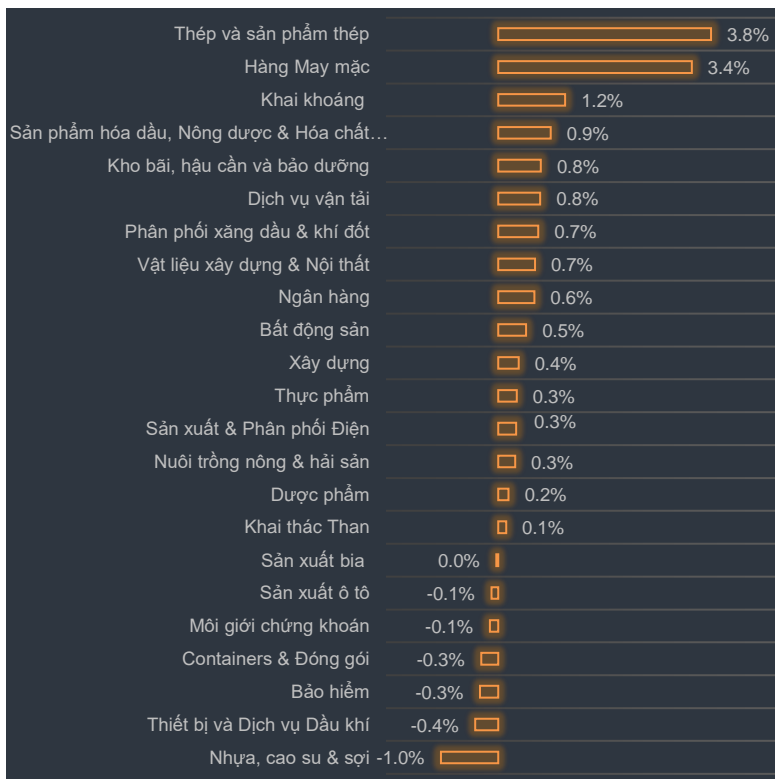
Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	HOSE	12.7	679,000	8.5	0.9	-	-	7,256	-	1,500	14,770
ACB	HOSE	33.1	13,071,400	10.7	2.2	-	-	71,440	30.00	3,090	15,230
BID	HOSE	43.6	1,379,500	20.5	2.2	158,300	107,300	175,360	17.32	2,130	19,450
CTG	HOSE	37.3	8,851,000	12.6	1.7	148,600	740,000	138,697	28.34	2,950	22,230
EIB	HOSE	18.1	231,700	25.9	1.3	1,400	600	22,253	29.82	700	13,500
HDB	HOSE	25.2	4,328,500	7.2	1.3	231,300	1,732,200	40,083	17.38	3,490	19,140
LPB	UPCOM	14.7	9,315,300	8.5	1.0	4,100	52,000	15,797	4.99	1,720	14,090
MBB	HOSE	27.7	22,352,200	9.3	1.5	2,765,299	2,296,399	77,386	23.19	2,990	18,140
MSB	HOSE	18.8	2,349,300	14.7	1.4	100	1,900	20,146	30.00	1,280	13,750
NVB	HNX	14.7	6,799,702	133.6	1.4	606,400	-	5,980	13.44	110	10,400
OCB	HOSE	20.9	2,371,800	3.7	1.4	71,100	1,100	22,904	15.00	5,610	14,510
SHB	HNX	15.9	28,661,982	10.3	1.2	40,200	5,200	27,910	6.02	1,550	13,600
STB	HOSE	18.4	17,421,100	13.9	1.2	231,000	605,500	33,097	9.42	1,320	15,640
TCB	HOSE	39.3	15,265,000	12.4	2.0	245,270	245,270	137,568	22.49	3,180	19,620
TPB	HOSE	27.6	1,406,800	6.3	1.5	-	-	28,422	30.00	4,350	18,280
VCB	HOSE	98.2	1,070,700	21.2	3.9	398,000	462,320	364,212	23.69	4,630	25,200
VIB	HOSE	39.7	1,099,700	8.8	3.0	133,500	-	44,043	20.45	4,490	13,340
VPB	HOSE	40	5,846,800	9.6	2.0	1,256,468	1,061,568	98,190	22.76	4,150	20,260
			142,501,484	18.77	1.73	6,291,037	7,311,357	1,188,510		2,736	16,731



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	WSB	UPCoM	12/3/2021	15/03/2021	31/03/2021	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	DT4	UPCoM	11/3/2021	12/3/2021	30/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 875 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	TMP	HOSE	9/3/2021	10/3/2021	18/03/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SPC	UPCoM	8/3/2021	9/3/2021	29/03/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	DAD	HNX	4/3/2021	5/3/2021	24/03/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	CPC	HNX	4/3/2021	5/3/2021	25/03/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	HBD	UPCoM	3/3/2021	4/3/2021	14/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	DAE	HNX	3/3/2021	4/3/2021	26/03/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	HPB	UPCoM	3/3/2021	4/3/2021	14/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	APH	HOSE	3/3/2021	4/3/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:40, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
11	C4G	UPCoM	2/3/2021	3/3/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:6	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	SAB	HOSE	2/3/2021	3/3/2021	26/03/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	EID	HNX	26/02/2021	1/3/2021	10/3/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	SFN	HNX	26/02/2021	1/3/2021	22/03/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	T12	UPCoM	26/02/2021	1/3/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:3, giá 30,000 đồng/CP	Phát hành thêm
16	QNS	UPCoM	26/02/2021	1/3/2021	11/3/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	DSN	HOSE	26/02/2021	1/3/2021	15/03/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	BDB	HNX	25/02/2021	26/02/2021	15/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 750 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	PSD	HNX	25/02/2021	26/02/2021	16/03/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	VCM	HNX	25/02/2021	26/02/2021	8/3/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	VC6	HNX	25/02/2021	26/02/2021	26/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	PGN	HNX	25/02/2021	26/02/2021	15/03/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	PGN	HNX	25/02/2021	26/02/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:6	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	SHE	HNX	24/02/2021	25/02/2021	15/03/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	VMC	HNX	24/02/2021	25/02/2021	15/03/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	PAS	UPCoM	23/02/2021	24/02/2021	24/03/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	PAS	UPCoM	23/02/2021	24/02/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	NTH	HNX	23/02/2021	24/02/2021	44533	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản: PV2, NVT, NRC

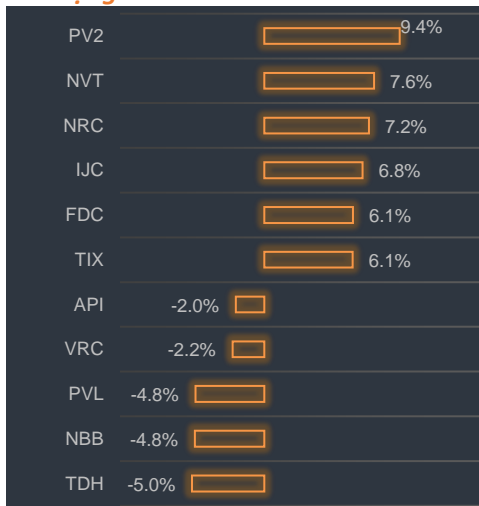
Xây dựng: S99, KDM, MST

Dầu khí: PGS, PGD, CNG

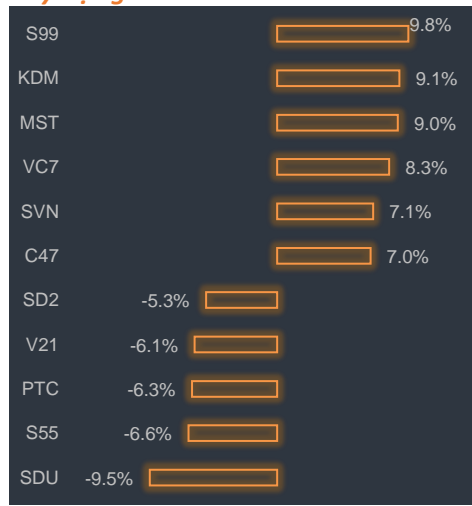
Chứng khoán: VIX, TVB, SBS

Ngân hàng: VIB, ACB, MBB

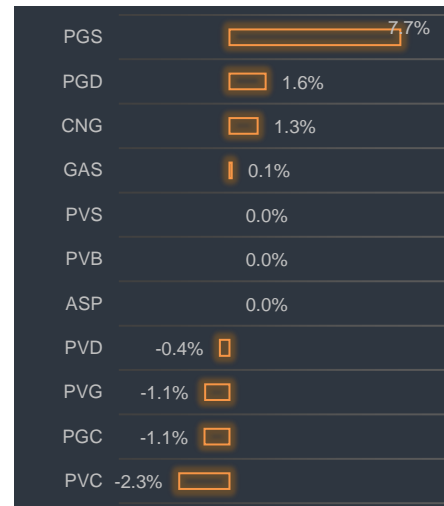
Bất động sản



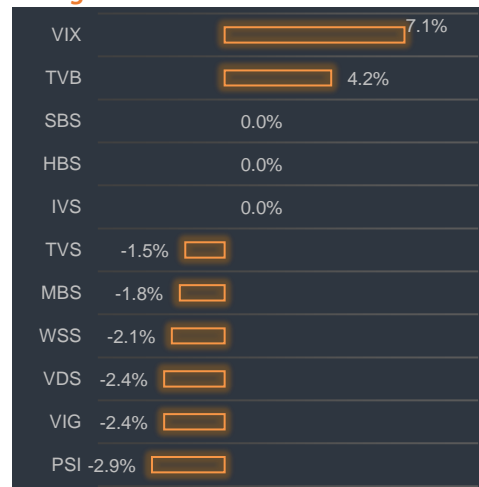
Xây dựng



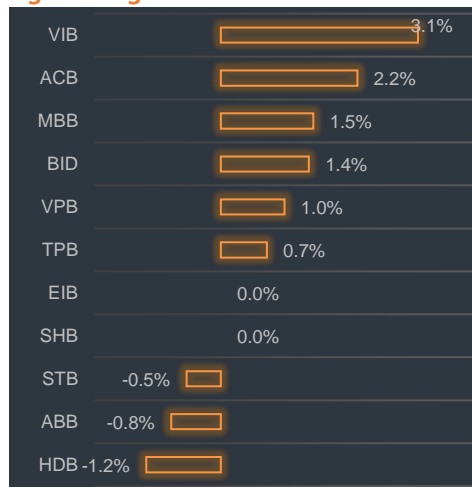
Dầu khí



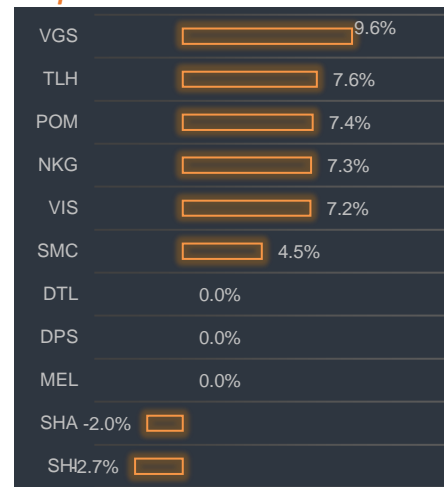
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931